

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **685/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 22/5/2026

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Lại**

Các Hội thẩm nhân dân:- Bà **Hoàng Thị Mỹ Hạnh**

- Ông Đặng Văn Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lương Ngân Hà** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà **Bùi Thị Minh Huyền** – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 285/2026/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc "Xin ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 658/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị **Nguyễn Phương H**, sinh năm 1982 (*Có mặt*).

Số căn cước công dân: 019182000579 cấp ngày 08/11/2021.

Nơi đăng ký thường trú: Tổ E, phường V, Thành phố Hà Nội.

Nơi ở hiện nay: Số A N, phường V, Thành phố Hà Nội.

*** Bị đơn:** Anh **Hà Minh Đ**, sinh năm 1981 (*Xin vắng mặt*).

Số căn cước công dân: 001081036052 cấp ngày 25/4/2021.

Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay: Tổ E, phường V, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Phương H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Minh Đ kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 12 năm 2006 tại UBND phường V, quận H, Thành phố Hà Nội (Nay là UBND phường V, Thành phố Hà Nội). Trước khi kết hôn, anh chị chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại số nhà A, ngõ B phố V, tổ E, phường V, Thành phố Hà Nội.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2025 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn chủ yếu do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên nảy sinh cãi vã. Hơn nữa, mỗi khi chị H đi làm hoặc đi liên hoan với đồng nghiệp trong cơ quan, anh Đ có hành vi chửi bới chị. Đỉnh điểm của mâu thuẫn vào lần chị H đi liên hoan với cơ quan, anh Đ đã vút và đốt quần áo của chị, sau đó quay video và gửi cho chị khi chị H chưa về đến nhà. Ngay sau đó, anh Đ gọi điện chửi bới và không cho chị H về nhà. Do không thể chịu đựng được nữa, kể từ ngày hôm đó (01/02/2026) cho đến nay, chị H đã đi thuê nhà ở ngoài để sinh sống. Khi chị H chuyển ra ngoài, chị có đưa con trai thứ hai là cháu Hà Sơn T đi theo và có sự đồng ý của anh Đ. Tuy nhiên sau đó anh Đ đã tự đến chỗ chị H ở và lấy quần áo, đưa cháu T về nhà mà không nói với chị. Điều này khiến cháu T thấy sợ hãi và buồn phiền. Hơn nữa, anh Đ còn có những hành vi không đúng mực như việc gửi những tin nhắn xúc phạm đến sếp của chị H. Điều này ảnh hưởng vô cùng lớn đến cuộc sống và công việc của chị H.

Đến nay, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Chị xác nhận chị và anh Đ có 02 con chung là cháu Hà Quốc A, sinh ngày 16/9/2007 và cháu Hà Sơn T, sinh ngày 20/9/2012. Hiện nay, hai con chung sức khỏe bình thường. Cháu Hà Quốc A đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Sơn T do cháu T còn nhỏ, đang trong độ tuổi phát triển, cần có sự quan tâm, chăm sóc sát sao từ người mẹ trong cả việc học tập và sức khỏe.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ cấp dưỡng nuôi cháu Sơn T bao nhiêu chị H cũng đồng ý. Trường hợp anh Đ không cấp dưỡng nuôi con thì chị H cũng đồng ý và không có ý kiến gì.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Chị H xác nhận không có, khi ly hôn chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị H xác nhận không có, khi ly hôn, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

*** Bị đơn anh Hà Minh Đ trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Phương H kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn ngày 04 tháng 12 năm 2006 tại UBND phường V, quận H, Thành phố Hà Nội (Nay là UBND phường V, Thành phố Hà Nội). Trước khi kết hôn, anh chị chưa ai kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại số nhà A, ngõ B phố V, tổ E, phường V, Thành phố Hà Nội

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2025 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn chủ yếu do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên nảy sinh cãi vã. Đến nay, anh Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, anh đồng ý ly hôn với chị H.

- Về con chung: Anh xác nhận anh và chị H có 02 con chung là cháu Hà Quốc A, sinh ngày 16/9/2007 và cháu Hà Sơn T, sinh ngày 20/9/2012. Hiện nay, hai con chung sức khỏe bình thường. Cháu Hà Quốc A đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, anh Đ xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Hà Sơn T. Anh Đ làm nghề tự do, thu nhập hàng tháng khoảng 100 triệu đồng. Tuy nhiên, anh Đ làm nghề tự do nên không có xác nhận thu nhập nộp cho Tòa án.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Đ không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản): Anh Đ xác nhận không có, khi ly hôn anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Anh Đ xác nhận không có, khi ly hôn anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Đ không có ý kiến gì.

*** Theo bản tự khai của cháu Hà Quốc A (Con chung của chị Nguyễn Phương H và anh Hà Minh Đ) trình bày:** Quá trình chung sống, bố mẹ cháu sống với nhau không có hạnh phúc, trò chuyện không hòa hợp và thường xuyên xảy ra cãi vã. Sau nhiều hành động có phần bột phát và bạo lực của bố cháu thì mẹ cháu đã quyết định dọn ra ở riêng vì cảm thấy không an toàn. Trong thời gian này, cả bố và mẹ đều chăm sóc cho hai anh em cháu đầy đủ không khác gì quãng thời gian còn ở chung. Cháu mong Tòa án xử cho bố mẹ cháu được ly hôn. Bản thân các cháu không muốn sống trong một gia đình không có sự hòa thuận. Em trai cháu mặc dù đang trong độ tuổi học sinh nhưng phần lớn việc học hành, ăn uống, giờ giấc, thói quen từ trước đến nay đều do mẹ cháu chăm lo. Do đó, cháu mong Tòa án xử cho em cháu được ở với mẹ.

*** Theo đơn đề nghị của cháu Hà Sơn T (Con chung của chị Nguyễn Phương H và anh Hà Minh Đ) trình bày:** Nếu phải ly hôn, cháu T xin được ở với mẹ vì mẹ cháu sẽ chăm lo việc ăn uống, học hành cho cháu tốt hơn bố.

*** Tại phiên tòa hôm nay**

- Chị Nguyễn Phương H vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Hà Minh Đ. Về con chung: Chị H xác nhận chị và anh Đ có hai con chung là cháu Hà Quốc A, sinh ngày 16/9/2007 và cháu Hà Sơn T, sinh ngày 20/9/2012. Khi ly hôn, cháu Quốc A đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H xin được nuôi con chung là cháu Sơn T. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về các khoản nợ chung: Chị H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Hà Minh Đ đã được Tòa án tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

*** Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Hà Nội có quan điểm:**

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, của HĐXX và những người tham gia tố tụng: Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội thụ lý đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Phương H đối với anh Hà Minh Đ là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và thư ký đã thực hiện đúng các quy định về nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 48, Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự. Tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương

sự và Viện kiểm sát đúng thời hạn theo quy định Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại Chương XIV về phiên tòa sơ thẩm của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH quy định về án phí năm 2016:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương H về việc xin ly hôn với anh Hà Minh Đ. Xử cho chị H được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Giao con chung là cháu Sơn T cho chị Nguyễn Phương H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Đ kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Về tài sản chung: Chị H và anh Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khoản nợ chung: Chị H và anh Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Phương H có đơn xin ly hôn đối với anh Hà Minh Đ có nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay tại tổ E, phường V, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật, tuy nhiên vẫn không hòa giải để đoàn tụ được. Vì vậy Tòa án nhân dân khu vực 3 – Hà Nội ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Hà Minh Đ. Tại phiên tòa hôm nay, anh Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Hà Minh Đ.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Phương H và anh Hà Minh Đ kết hôn với nhau tự nguyện, có tìm hiểu, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn với nhau ngày 04 tháng 12 năm 2006 tại UBND phường V, quận H, Thành phố Hà Nội (Nay là UBND phường V, Thành phố Hà Nội). Trước khi kết hôn, anh chị chưa ai kết hôn lần nào. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận định đây là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời trình bày của chị H, lời khai của anh Đ trong quá trình giải quyết vụ án và các tài liệu trong hồ sơ thể hiện: Sau khi kết hôn, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Do đó, trong cuộc sống hàng ngày, anh chị thường xuyên xảy ra cãi vã. Kể từ 01/02/2026, chị H đã chuyển ra ngoài sinh sống, cuộc sống và kinh tế độc lập với nhau, không ai quan tâm đến ai. Đến nay, chị H xin ly hôn anh Đ thì anh Đ đồng ý ly hôn.

Xét thấy cuộc hôn nhân muốn có hạnh phúc phải được xây dựng từ hai phía, hai vợ chồng phải chung sống cùng nhau, quan tâm và thương yêu chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ với nhau nhưng không có kết quả, chị H vẫn cương quyết xin ly hôn. Hơn nữa, anh Đ trình bày ý kiến đồng ý ly hôn và vắng mặt tại các buổi hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải đoàn tụ được.

Như vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Nguyễn Phương H và anh Hà Minh Đ đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị H xin ly hôn là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, xử cho chị Nguyễn Phương H được ly hôn với anh Hà Minh Đ là phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Anh chị xác nhận có 2 con chung cháu Hà Quốc A, sinh ngày 16/9/2007 và cháu Hà Sơn T, sinh ngày 20/9/2012. Khi ly hôn, cháu Quốc A đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị H và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng con chung là cháu Sơn T. Xét về điều kiện nuôi con, chị H và anh Đ đều có đủ điều kiện nuôi con tốt. Về phía chị H, thu nhập hàng tháng của chị khoảng 38.000.000 đồng (Đã có giấy xác nhận thu nhập nộp cho Tòa án), chị H có nơi ở ổn định (Đã nộp cho Tòa án Hợp đồng thuê nhà). Hơn nữa, cháu Sơn T còn nhỏ, cần có sự quan tâm, chăm sóc sát sao về sức khỏe, học tập từ mẹ. Vì những lý do đó, chị H mong Tòa án xem xét cho chị được nuôi cháu Sơn T. Về phía anh Đ, anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Sơn T. Anh Đ làm nghề tự do, thu nhập mỗi tháng của anh Đ khoảng 100.000.000 đồng. Tuy nhiên, anh Đ không có xác nhận thu nhập nộp cho Tòa án.

Xét thấy, các đương sự không thống nhất được việc nuôi con chung sau khi ly hôn. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Nguyễn Phương H và anh Hà Minh Đ đều là người có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, khi xem xét, đánh giá việc giao con chưa thành niên cho người cha hay người mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cần phải xem xét đánh giá khách quan, đảm bảo về quyền lợi chính đáng của con chung vì việc nuôi và chăm sóc con vừa là quyền nhưng cũng vừa là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hơn nữa, nếu con trên 7 tuổi thì cũng cần xem xét nguyện vọng của con khi quyết định giao con cho bố hay mẹ nuôi. Tại bản tự khai tại Tòa án, cháu Sơn T trình bày mong muốn được ở cùng với mẹ bởi mẹ sẽ chăm lo việc ăn uống, học hành tốt hơn cho cháu. Do vậy, căn cứ vào Điều 58, Điều 71, Điều 72, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con chung là cháu Sơn T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Đ có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị H và anh Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về nợ chung: Chị H và anh Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQUH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Phương H, chị Nguyễn Phương H được ly hôn với anh Hà Minh Đ.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Phương H và anh Hà Minh Đ có 02 con chung là cháu Hà Quốc A, sinh ngày 16/9/2007 và cháu Hà Sơn T, sinh ngày 20/9/2012. Cháu Hà Quốc A đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Giao con chung là cháu Sơn T cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

Anh Hà Minh Đ có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở và có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Phương H không yêu cầu anh Hà Minh Đ cấp dưỡng nuôi con, nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Hà Minh Đ kể từ khi ly hôn cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có sự thay đổi khác.

3. Về tài sản chung và nhà ở chung: Chị Nguyễn Phương H và anh Hà Minh Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Phương H và anh Hà Minh Đ xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Phương H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004808 ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị Nguyễn Phương H đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Phương H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hà Minh Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND khu vực 3 – Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 – Hà Nội;
- UBND nơi ĐKKH;
- Dương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lại